TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2018/HNST;
Ngày: 05/4/2018.
V/v "Xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Loan**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Ngọc Phương**;

2. Ông **Đoàn Thanh Phong**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ Á E** - sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **TRẦN VĂN NHÂN -** sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Chị Á E có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Á E trình bày:*

Chị và anh Trần Văn N cưới nhau vào năm 2001, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chỉ lo ăn chơi, không đi làm, không chăm lo quan tâm cho vợ con nên chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: có 01 con tên Trần Hữu Nghĩa – sinh ngày 07/02/2002, hiện cháu đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nghĩa và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trần Văn Nhân trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Á E về thời gian, điều kiện kết hôn. Còn quá trình chung sống anh cũng có lỗi nên vợ con buồn, vợ nghe lời mẹ vợ nên đã về nhà cha mẹ vợ sống từ tháng 10/2016 đến nay. Trong thời gian ly thân anh đã cố gắng khắc phục lỗi lầm, hiện anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị Á E.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Hữu Nghĩa – sinh ngày 07/02/2002, hiện con đang sống với chị Á E. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Á E về việc xin ly hôn, về yêu cầu nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "Xin ly hôn".

Xét bị đơn anh Trần Văn N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh N.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Á E, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị Á E và anh Trần Văn N cưới nhau năm 2001, do tự nguyện

và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q là hôn nhân hợp pháp. Chị Á E xin ly hôn với anh N với lý do anh N chỉ lo ăn chơi, không đi làm, không chăm lo quan tâm cho vợ con nên chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Anh N không đồng ý ly hôn vì trong quá trình chung sống anh cũng có lỗi làm cho vợ buồn, vợ nghe lời mẹ vợ nên đã về nhà cha mẹ vợ sống từ tháng 10/2016 đến nay, trong thời gian sống ly thân anh cũng đã cố gắng khắc phục lỗi lầm nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện anh N vẫn không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh chị.

Tại phiên tòa chị Á E vẫn cương quyết xin ly hôn với anh N, phía anh N vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh N không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Á E và anh N không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Á E là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị Á E có yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trần Hữu Nghĩa – sinh ngày 07/02/2002, phía anh N không có yêu cầu gì về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu Nghĩa đang sống với chị Á E đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt, điều kiện giáo dục, cháu Nghĩa cũng có nguyện vọng muốn sống với chị Á E. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Á E, giao cháu Nghĩa cho chị Á E tiếp tục nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Á E không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con và phía anh N cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Á E và anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Chị Á E và anh N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Á E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Á E.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Á E được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Giao cháu Trần Hữu Nghĩa – sinh ngày 07/02/2002 cho chị Nguyễn Thị Á E nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nghĩa đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Á E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp theo biên lai số 36186 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị Á E đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện C;
- Các đương sự.

VÕ THỊ KIM LOAN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**